

Bản án số: 57/2024/HS-PT  
Ngày: 24-01-2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đức Minh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Văn Vâng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 956/2023/TLPT-HS ngày 09 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo các Đăng Đình T, Hoàng Văn H, Thạch Minh V, Lê Văn P, Lê Minh C do có kháng cáo của bị cáo Đăng Đình T, Hoàng Văn H, Thạch Minh V, Lê Văn P, Lê Minh C đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 132/2023/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Bị cáo có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị:**

1. Đăng Đình T, sinh năm 1994 tại tỉnh Bình Phước; nơi thường trú: Tổ C, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đăng Đình B (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1; có vợ là Lương Thị Ngọc D và có 02 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2021 đến ngày 15/8/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

*- Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Trương Nguyễn Công N, là Luật sư của Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

2. Hoàng Văn H, sinh năm 1992 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: ấp T, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn S và bà Hoàng Thị H2; có vợ là Vũ Thị H3 và có 01 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2021 đến ngày 15/8/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Thạch Minh V, sinh năm 1988 tại tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Số E, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Khơ-me; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch C1 (đã chết) và bà Nguru Thị L; bị cáo có vợ tên Huỳnh Thị Mỹ H4 và có 01 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2021 đến ngày 15/8/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Lê Văn P, sinh năm 1995 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi cư trú: ấp C, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê P1 và bà Hoàng Thị Kim T1; có vợ là Phùng Thanh X và có 02 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2021 đến ngày 15/8/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Lê Minh C, sinh năm 2001 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: ấp C, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê P2 và bà Bùi Thị L1; có vợ là Nguyễn Thùy N1 và có 01 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2021 đến ngày 15/8/2021 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có đại diện hợp pháp của bị hại, các bị cáo khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không triệu tập đến phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Do có mâu thuẫn với nhau, ngày 17/05/2021, Lê Văn P cùng Lê Minh C đem dao tự chế đến nhà anh em Lâm Văn A và Lâm Văn L2 ở xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương để đánh nhau nhưng giữa P và A, L2 chưa giải quyết xong mâu thuẫn nên vào khoảng 15 giờ ngày 18/05/2021, P rủ Lê Minh Q, Lê Minh C, Thạch Minh V, Hoàng Văn H, Đặng Đình T cùng vợ là Phùng Thanh X đến quán lẩu dê gần trạm dừng chân T2 thuộc xã A, huyện P để ăn lẩu dê, trong lúc ăn P nói mâu thuẫn với L2, A và nhờ mọi người tìm cách giải hòa với nhóm của L2 và A. Tại đây, P nhờ V đến gặp L2 để nói chuyện giải hòa nhưng L2, A không đồng ý nên P gọi điện cho L2 thì giữa L2 và P xảy ra mâu thuẫn, hai bên thách thức giải quyết mâu thuẫn ở khu vực nghĩa trang Đ2 thuộc xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Lúc này, X sợ P đi đánh nhau nên can ngăn P nhưng P không đồng ý. P nói Q về nhà đem 03 dao rựa (ngày 17/05/2021 P đưa tiền cho C mua), khi Q đem 03 dao rựa đến quán nơi P và mọi người đang ngồi ăn uống, Q tiếp tục đi về lấy thêm 01 dao rựa. Tổng cộng Q đem 04 dao rựa cất giấu trong bao tải buộc sau xe mô tô của Q. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, P tính tiền ăn xong và nói X đi về đón con nhưng X nói về thì về cả thì P không đồng ý về. Tại quán lẩu dê, C thấy Q đem hung khí đi là sẽ có đánh nhau nên C cho P mượn xe mô tô biển số 78K1-217.80 (xe của vợ C) chở H đi cùng đồng phạm đến khu nghĩa trang Đ2, xã A, huyện P để đánh

nhau với nhóm A, G, L2, Đ, K, H5. Khi đi Q đi một xe biển số 59U1-013.78 chở theo bao dao rựa, C chở X (vợ P) đi bằng xe của X, T chở V bằng xe của T (không rõ biển số), H chở P đi bằng của C biển số 78K1-217.80. Trên đường đi X và C đi sau, X gọi cho anh Nguyễn Tôn L3 đến can ngăn giải hòa cho P và nhóm L2, A (anh L3 là anh em cậu với nhóm L2, A và là anh rể của P) nhưng anh L3 không đồng ý.

Bên nhóm của L2 sau khi nghe điện thoại của P và V hai bên không giải hòa được nên hẹn nhau giải quyết mâu thuẫn tại khu nghĩa trang Đ2, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Lúc này, Nguyễn Đ1, Nguyễn Duy K1, Nguyễn Hoàng H6 đang ở nhà của Lâm Văn A, Lâm Văn L2 và Lâm Văn G1 tại phường A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Khi Đ1 nghe hai bên hẹn đi đánh nhau, Đ1 đi mua 02 dao tự chế đem về nhà của L2, sau đó nhóm của Lâm Văn L2 cùng nhau đi đến điểm hẹn để gặp nhóm Lê Văn P. Khi đi đánh nhau L2 đem theo 02 quả pháo và 02 quả nỏ (trước đây bạn ngoài xã hội cho L2), K1 đem 01 dao đang để trên bàn nhà L2, H6 đem theo 01 khẩu súng bằng nhựa, G1 đem theo đoạn sắt có gắn lưỡi dao phía trên đầu đưa cho K1 cầm. L2 chở Đ1 bằng xe của L2 không rõ biển số, H6 chở A bằng xe mô tô của H6 biển số 61P2-1841, G1 chở K1 bằng xe mô tô của G1 biển số 93P1-391.60.

Nhóm của P đi đến trước, Q đem bao mã tấu (dao rựa) để trong khu nghĩa trang Đ2, Q cầm 01 dao rựa, P cầm 01 dao rựa, H cầm 01 dao rựa, V, T đứng gần khu vực để dao rựa. Khi X và C đi đến đứng sát khu vực vườn cây của nghĩa trang Đ2 (cách nhóm P đứng khoảng 19m). Nhóm P chờ khoảng 30 phút thì nhóm L2 đi đến. Lúc này, V từ trong khu nghĩa trang Đ2 đi đến gặp nhóm L2, ngay lúc này L2 ném 02 quả pháo gây tiếng nổ lớn rồi hai bên xông vào đánh nhau, Q cầm rựa chém Đ1 bị thương ở tay và ngực, Đ1 cầm dao chém trúng cổ của Q làm cho Q ngã xuống đất và chết tại chỗ. V liền đi đến lấy dao rựa Q làm rơi xuống đất đuổi theo nhóm Đ1 đang bỏ chạy ra ngoài đường lớn, H6 dùng súng bắn một phát tạo ra tiếng nổ lớn rồi L2 chở A và G1, Đ1, H6 điều khiển xe mô tô đi về nhà để lại xe của G1 tại hiện trường nên H đi đến dùng dao rựa chém nhiều lần vào xe của G1. Sau khi đánh nhau xong các bị cáo bỏ trốn và đem giấu hung khí, đến chiều tối cùng ngày A, K1, V đến Công an đầu thú còn các bị cáo P, H, C, Đ1, L2, G1 bị bắt khẩn cấp. T và H6 bị bắt tạm giam để điều tra. (bút lục 708-741).

Quá trình bắt Nguyễn Hoàng H6 xác định H6 có hành vi tàng trữ trái phép 04 viên đạn và 01 khẩu súng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã tạm giữ để phục vụ điều tra.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô biển số 61P2-1841 màu đen, 01 xe mô tô biển số 59U1-013.78, 01 xe mô tô biển số 93P1-391.60, 01 ổ quay hình trụ tròn có 06 lỗ tròn có gắn 04 viên đạn bằng kim loại, 01 mẫu vật bằng kim loại có hình dạng khẩu súng ngắn, 02 khối hình tròn bọc bên ngoài bằng nilon cột dây cao su, 01 dao tự chế dài 89cm lưỡi dài 53cm cán dài 36cm, 04 dao rựa, 01 dao dài 58,5cm, 01 dao dài 41,5cm, 04 đôi dép, 01 nón vải, 01 đoạn sắt tròn gắn lưỡi dao trên đầu dài 167cm (bút lục 328-330, 371, 429-431, 527).

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 458/2021/GĐPY ngày 22/5/2021, của Phòng K2 Công an tỉnh B, kết luận đối với Lê Minh Q như sau: Nguyên nhân chết:

Do tác động ngoại lực của vật sắc nhọn vào vùng cổ trái gây đứt khí quản, thực quản, động mạch cảnh gây chảy mất máu không hồi phục. (Bút lục số 327).

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 365/2021/GDPY ngày 08/7/2021, của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh B, kết luận đối với Nguyễn Đ1 như sau:

- Vết thương 1/3 giữa mặt sau trong cánh tay trái (18x0,5) cm, đứt cơ tam đầu, đã phẫu thuật khâu nối cơ, sẹo lành.

- Vết thương ngực đường trung đòn trái (2,8x 0,7) cm, sẹo lành.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 09%.

Cơ chế hình thành vết thương: Vết thương 1/3 giữa mặt sau trong cánh tay trái. Sẹo vòng cung, chiều từ dưới lên trên, hướng từ dưới lên trên chệch từ phải sang trái, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra.

Vết thương ngực đường trung đòn trái: Chiều nằm ngang, hướng từ trước ra sau, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra (bút lục 541-542).

Ngày 27/5/2021, Đ1 làm đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và xử lý những người gây thương tích cho Đ1.

Tại Bản Kết luận giám định số 3846/2021/C09B ngày 15/9/2021, của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận 02 khối hình tròn, bọc bên ngoài bằng nylon, cột dây cao su không phải là quả nổ tự tạo. Bên trong có chứa chất tinh thể màu vàng có tìm thấy thành phần Anmoni Nitrat ( $\text{NH}_4\text{NO}_3$ ) là tiền chất của thuốc nổ có khối lượng 237,9 gram. Không đủ cơ sở xác định trong điều kiện nào 02 khối hình trong trên phát nổ và khả năng gây chết người. (bút lục số 521-522, 525).

Tại Bản Kết luận giám định số 4211/2021/C09B ngày 25/10/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Ổ quay và phần thân súng gửi giám định là cùng một khẩu súng. Khẩu súng nêu trên có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí quân dụng thuộc danh mục vũ khí quân dụng (bút lục 518).

Tiến hành bắn thực nghiệm với các viên đạn gửi giám định, kết quả đạn nổ. Khi bắn loại đạn nêu trên đến cơ thể người có thể gây thương vong. (bút lục số 518).

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 4389/KL-HDDGTS ngày 23/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự kết luận giá trị thiệt hại của xe mô tô 02 bánh, kiểu dáng Wave, số khung VHMDCB044UM007394, số động cơ 039675 tại thời điểm ngày 18/5/2021 là 2.562.000 đồng. (bút lục số 532-533).

Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

Các bị cáo P, V, T, H, C đã bồi thường cho bị cáo Nguyễn Đ1 số tiền 10.000.000 đồng.

Bà Hoàng Thị Kim T1 người đại diện cho bị hại Q yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí mai táng với tổng số tiền 159.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 149.000.000 đồng; tiền cấp dưỡng cho con gái Q và bố mẹ Q (bút lục số 508).

Đối với xe mô tô các bị cáo T, C điều khiển đi phạm tội, quá trình điều tra xác định những xe trên là tài sản của vợ các bị cáo và đã bán cho người khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B không thu giữ.

Đối với các điện thoại các bị cáo liên lạc để đi phạm tội, quá trình bỏ chạy các bị cáo đã làm mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B không thu hồi được.

Đối với xe mô tô 02 bánh, kiểu dáng Wave, biển số 93P1-391.60, số khung VHMDCB044UM007394, số động cơ 039675, G1 dùng vào việc phạm tội, xe trên quá trình đánh nhau H đã dùng dao chém vào xe định giá bị thiệt hại 2.562.000 đồng. Do xe không rõ nguồn gốc nên không có cơ sở xử lý H về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản. Hiện nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đăng 03 số báo liên tiếp để truy tìm chủ sở hữu nhưng đến nay vẫn không có ai đến nhận nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 xe mô tô biển số 61P2-1841 màu đen, H6 dùng vào việc phạm tội, xe mô tô biển số 59U1- 013.78 Q dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Tiêu hủy 01 dao tự chế dài 89cm lưỡi dài 53cm cán dài 36cm, 04 dao rựa 01 dao dài 58, 5cm, 01 dao dài 41,5cm, 04 đôi dép, 01 nón vải, 01 đoạn sắt tròn gắn lưỡi dao trên đầu dài 167cm vì đây là vật chứng trong vụ án.

Đối với 01 ổ quay hình trụ tròn có 06 lỗ tròn có gắn 04 viên đạn bằng kim loại, 01 mẫu vật hình kim loại có hình dạng khẩu súng ngắn, 02 khối hình tròn bọc bên ngoài bằng nylon cột dây cao su, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã bàn giao cho Ban chỉ huy Quân sự tỉnh B xử lý theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số: 23/CT-VKSBD-P2 ngày 18 tháng 7 năm 2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Đ1 về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố Nguyễn Hoàng H6 về tội “Giết người” và “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo điểm n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố Lâm Văn L2 về tội “Giết người” theo điểm n, p khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố các bị cáo Lâm Văn A, Lâm Văn G1, Nguyễn Duy K1 về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố các bị cáo Lê Văn P, Thạch Minh V, Đặng Đình T, Hoàng Văn H, Lê Minh C về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 132/2023/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lê Văn P 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2021 đến ngày 15/8/2021.

Xử phạt bị cáo Đặng Đình T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2021 đến ngày 15/8/2021.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2021 đến ngày 15/8/2021.

Xử phạt bị cáo Lê Minh C 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2021 đến ngày 15/8/2021.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Thạch Minh V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2021 đến ngày 15/8/2021.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên phạt các bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực, hiện chấp hành án, bản án còn giải quyết các vấn đề liên quan đến xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2023, bị cáo Đặng Đình T có đơn kháng cáo; Ngày 07/10/2023, bị cáo Thạch Minh V có đơn kháng cáo, ngày 09/10/2023 bị cáo Lê Văn P có đơn kháng cáo, ngày 09/10/2023 các bị cáo Lê Minh C, Hoàng Văn H có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 132/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng và Bản án sơ thẩm đã tuyên phạt. Các bị cáo đã thật sự ăn năn, hối cải về hành vi đã thực hiện. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con còn nhỏ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Lê Văn P xuất trình các giấy tờ chứng minh ông nội, bà nội bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất.

Bị cáo Lê Minh C trình bày chỉ có chỗ chị X là vợ bị hại Q đến hiện trường vụ án với mục đích để hòa giải với nhóm của Nguyễn Đ1, bị cáo đứng ở xa, không tham gia vào vụ đánh nhau, nên đề nghị được xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đặng Đình T trình bày: Thống nhất tội danh mà Bản án sơ thẩm đã xét xử. Bản án đã nhận định những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nay bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình bị cáo là người có công với cách mạng, có xác nhận của chính quyền địa phương là bị cáo chấp hành tốt chủ trương của Nhà nước. Bị cáo có năm tình tiết để giảm nhẹ trong đó có ba tình tiết được quy định tại điểm i, s, x khoản 1 Điều 51, hai tình tiết

ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì thế bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018, Nghị quyết số 01/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ theo qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung: Xét thấy các bị cáo thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội, phạm tội có mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm tù. Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo mức án tù là không nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2023, bị cáo Đặng Đình T có đơn kháng cáo; Ngày 07/10/2023, bị cáo Thạch Minh V có đơn kháng cáo; Ngày 09/10/2023 bị cáo Lê Văn P có đơn kháng cáo; Ngày 09/10/2023 các bị cáo Lê Minh C, Hoàng Văn H có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo làm và nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét xét xử theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, các kết luận giám định, lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn với nhau nên vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 18/05/2021 nhóm bị cáo Lê Văn P, Đặng Đình T, Hoàng Văn H, Lê Minh C, Thạch Minh V, Lê Văn Q1 mang theo hung khí là dao, rửa rồi điều khiển xe mô tô đi từ quán lẩu dê gần trạm dừng chân T2 thuộc xã A, huyện P đến khu N, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương đánh nhau với nhóm của L2. Khi hai nhóm gặp nhau, bị cáo L2 ném 02 quả pháo gây tiếng nổ lớn rồi hai bên xông vào đánh nhau, Q1 dùng hung khí là dao rửa chém vào ngực, tay của Nguyễn Đ1 gây thương tích 9% sức khỏe. Ngay lúc đó, bị cáo Nguyễn Đ1 dùng dao chém vào cổ Lê Minh Q khiến Q chết tại chỗ. Bị cáo V liền đi đến lấy dao rửa của Q làm rơi xuống đất đuổi theo nhóm của Đ1 bỏ chạy ra đường

lớn, bị cáo H6 dùng súng bắn 01 phát tạo ra tiếng nổ lớn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của bị cáo Nguyễn Hoàng H6 01 ổ quay hình trụ tròn có 06 lỗ tròn có gắn 04 viên đạn bằng kim loại, 01 mẫu vật hình kim loại có hình dạng khẩu súng ngắn, kết luận giám định là vũ khí quân dụng.

[2.2] Xét thấy, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất, hai nhóm bị cáo hện nhau giải quyết mâu thuẫn nhưng tất cả các bị cáo đều ngầm hiểu là dùng vũ lực để giải quyết nên đã chuẩn bị hung khí từ trước. Đối với nhóm bị cáo Đ1, H6, L2, A, G1, K1: để giải quyết mâu thuẫn, A chuẩn bị một con dao mã tấu, Đ1 cầm một con dao tự chế, L2 cầm hai quả nổ và hai quả pháo, H6 cầm một cây súng dạng Rulo bằng nhựa, G1 chuẩn bị một cây sắt có hàn lưỡi dao đưa cho K1 cầm để đến điểm hẹn, tiếp thêm ý chí cho các đồng phạm khác. Các bị cáo đều nhận thức được việc sử dụng hung khí sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng của người khác nhưng các bị cáo vẫn chọn lựa giải quyết mâu thuẫn bằng vũ lực; các bị cáo có ý thức xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe, tính mạng của người khác. Khi cả nhóm đến nghĩa trang Đ2, L2 là người ném 2 quả pháo phát nổ, gây khiêu khích với nhóm bị cáo P, V, T, H, C và Q. Giữa các bị cáo có sự tiếp nhận ý chí và chuẩn bị hung khí, phương tiện, cùng nhau đi giải quyết mâu thuẫn chính là dấu hiệu của đồng phạm giúp sức. Nên khi bị cáo Đ1 tước đi tính mạng của bị hại Q mặc dù các bị cáo H6, L2, A, G1, K1 không trực tiếp gây ra cái chết cho bị hại nhưng là đồng phạm giúp sức và phải chịu trách nhiệm chung về hậu quả của vụ việc.

[2.3] Đối với nhóm của các bị cáo P, V, T, H, C: P là người gây ra mâu thuẫn và hện nhóm A đến nghĩa trang Đ2 để giải quyết mâu thuẫn. Trước khi đến điểm hẹn, P nói Q về chuẩn bị 04 cây dao rựa làm hung khí. Khi đến nơi, Q lấy dao rựa đưa cho H cầm một cây, P cầm một cây, Q cầm một cây và một cây để dưới đất và cả nhóm đợi nhóm của A tới. Khi nhóm của A tới, Q là người cầm rựa chém Đ1 trúng vào tay và ngực. P có hành vi kích động, xúi giục các bị cáo khác tham gia đánh nhau và trực tiếp cầm dao rựa rượt đuổi nhóm của A. Các bị cáo H, V thống nhất ý chí tham gia đánh nhau và cầm dao rượt đuổi nhóm của A. C, T thống nhất ý chí, dùng xe làm phương tiện đi theo P, Q, H, V để cổ vũ, tiếp thêm tinh thần cho các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, gây mất trật tự trị an địa phương. Nhóm của P là bên chủ động đến điểm hẹn sớm hơn để chuẩn bị dùng hung khí giải quyết mâu thuẫn, chuẩn bị hung khí, hện nhóm của bị cáo A giải quyết mâu thuẫn bằng hung khí tạo ra tình trạng hỗn loạn trong không gian công cộng.

[2.4] Do đó, Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Đ1 về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123; truy tố Nguyễn Hoàng H6 về tội “Giết người” và “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo điểm a khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 304; truy tố Lâm Văn L2 về tội “Giết người” theo điểm n, p khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố các bị cáo Lâm Văn A, Lâm Văn G1, Nguyễn Duy K1 về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Hành vi của các bị cáo Lê Văn P, Thạch Minh V, Đặng Đình T, Hoàng Văn H, Lê Minh C đã xâm phạm đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý

hoang mang cho người dân sinh sống tại địa bàn khi có hành vi kích động, lôi kéo, đám đông, dùng hung khí, bạo lực để giải quyết mâu thuẫn gây ra hậu quả nghiêm trọng là chết một người và bị thương một người; nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại Điều 318 của Bộ luật Hình sự; việc truy tố, xét xử các bị cáo Lê Văn P, Thạch Minh V, Đặng Đình T, Hoàng Văn H, Lê Minh C về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của bị hại một cách trái pháp luật mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa phương. Vì sự nghiêm minh của pháp luật, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã thực hiện nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt và cũng nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội. Sau khi xét xử sơ thẩm, nhóm các bị cáo bị xét xử về tội “Giết người” không kháng cáo, không bị kháng nghị.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo P, H, C, T, V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo T có gia đình có công với cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét các căn cứ mà các bị cáo trình bày đề nghị giảm nhẹ hình phạt

[4.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn P xuất trình các giấy tờ chứng minh ông nội, bà nội bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Hội đồng xét xử xét thấy, Nhà nước ghi nhận gia đình bị cáo có công với cách mạng. Tuy nhiên, sự việc xảy ra nguyên nhân đều do bị cáo. Nếu biết nghe lời khuyên ngăn của mọi người, không vì bản tính côn đồ thì sự việc không dẫn đến em ruột bị cáo là bị hại Q tử vong, không dẫn đến cả hai nhóm phải vi phạm pháp luật. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo mức án 03 năm tù là không nặng, nên không có cơ sở để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

[4.2] Luật sư bào chữa cho bị cáo Đặng Đình T trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy những tình tiết giảm nhẹ này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giảm nhẹ. Gia đình bị cáo là người có công với cách mạng nhưng không thuộc trường hợp phải áp dụng điểm x, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bởi theo điểm x, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp “Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ” do đó cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này là có căn cứ.

[4.3] Các bị cáo đều nêu hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, hiện có con còn nhỏ. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo hành xử như việc thanh toán giữa các băng nhóm bất chấp pháp luật, đã xâm phạm nghiêm trọng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho người dân sinh sống tại địa bàn khi có hành vi kích động, lôi kéo, đám đông, dùng hung khí, bạo lực để

giải quyết mâu thuẫn gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là chết một người và bị thương một người. Vì vậy, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là không nặng, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo kháng cáo nhưng không có những chứng cứ giảm nhẹ nào đặc biệt mới nên không có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Do không chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Văn P, Thạch Minh V, Đặng Đình T, Hoàng Văn H, Lê Minh C.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2023/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn P, Thạch Minh V, Đặng Đình T, Hoàng Văn H, Lê Minh C phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Tuyên xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Lê Văn P, Đặng Đình T, Hoàng Văn H, Lê Minh C:

Xử phạt bị cáo Lê Văn P 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2021 đến ngày 15/8/2021.

Xử phạt bị cáo Đặng Đình T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2021 đến ngày 15/8/2021.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2021 đến ngày 15/8/2021.

Xử phạt bị cáo Lê Minh C 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2021 đến ngày 15/8/2021.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Thạch Minh V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2021 đến ngày 15/8/2021.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lê Văn P, Thạch Minh V, Đặng Đình T, Hoàng Văn H, Lê Minh C mỗi người chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hồ Tâm Tú**